

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ**

Số: 2576/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Mỹ, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
Nhà nước năm 2024 huyện Long Mỹ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ, ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của HĐND huyện Long Mỹ, về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Long Mỹ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 405/TT-TC-KH ngày 02 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay, công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Long Mỹ (Đính kèm các phụ lục).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan đoàn thể cấp huyện;
- Lưu: VT, phòng TCKH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Vũ Trường



CÁN ĐOỊ DƯ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2576 /QĐ-UBND ngày 05 / 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024 (Giao dự toán đầu năm 2024)	Dự toán năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	34.250	34.250
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	34.250	34.250
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu		
3	Thu viện trợ không hoàn lại		
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	464.553	559.956,06
1	Thu ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp	25.644	25.644
	-Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	25.644	25.644
	-Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ (%)		
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	438.909	459.673
	-Bổ sung cân đối	394.551	394.551
	-Bổ sung có mục tiêu	44.358	65.122
3	Thu chuyển nguồn ngân sách huyện		62.792,62
4	Thu kết dư ngân sách		9.659,36
5	Các khoản huy động, đóng góp (nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang)		2.187,08
II	Chi ngân sách cấp huyện	464.553	559.956,06
1	Chi đầu tư phát triển	62.669	83.687,19
2	Chi thường xuyên	347.805,21	408.424,16
3	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	44.030,29	55.609,13
	-Bổ sung cân đối	37.454,12	37.454,12
	-Bổ sung có mục tiêu	6.576,17	18.155,01
4	Chi cải cách tiền lương mới	2.505,40	2.505,40
5	Dự phòng ngân sách	7.543,10	7.543,10
6	Chi Các khoản huy động, đóng góp (nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang)		2.187,08
C	NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN		
I	Nguồn thu ngân sách cấp xã	50.536,29	81.523,71
1	Thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp	6.506	6.506
	-Các khoản thu NS cấp xã hưởng 100%	6.506	6.506
	-Các khoản thu phân chia NS cấp xã hưởng theo tỷ lệ (%)		
2	Thu bổ sung từ ngân sách huyện	44.030,29	55.609,13
	-Bổ sung cân đối	37.454,12	37.454,12
	-Bổ sung có mục tiêu	6.576,17	18.155,01
3	Thu chuyển nguồn ngân sách xã, thị trấn		15.282,76
4	Thu kết dư ngân sách		4.125,82
II	Chi ngân sách cấp xã	50.536,29	81.523,71
1	Chi đầu tư phát triển		
2	Chi thường xuyên	49.545,39	80.532,81
3	Dự phòng ngân sách	990,90	990,90

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2024 HUYỆN LONG MỸ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2576 /QĐ-UBND ngày 05/ 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024 (Giao đầu năm 2024)					Dự toán năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)					Ghi chú
		Thu NSNN	Điều tiết NS cấp trên	Tổng cộng thu NS địa phương	Tr.đó: thu điều tiết		Thu NSNN	Điều tiết NS cấp trên	Tổng cộng thu NS địa phương	Tr.đó: thu điều tiết		
					NS huyện hưởng	NS xã hưởng				NS huyện hưởng	NS xã hưởng	
A	B	1= 2 + 3	2	3= 4 + 5	4	5	6= 7 + 8	7	8= 9 +10	9	10	11
A	Tổng thu nội địa các khoản thu cân đối NSNN (theo số tính giao)	34.250	2.100	32.150	25.644	6.506	34.250	2.100	32.150	25.644	6.506	
1	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	10.950		10.950	7.630	3.320	10.950		10.950	7.630	3.320	
2	Thuế thu nhập cá nhân	6.400		6.400	6.400		6.400		6.400	6.400		
3	Tiền sử dụng đất	2.000		2.000	2.000		2.000		2.000	2.000		
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		-			-		-			
5	Lệ phí trước bạ	9.000		9.000	7.620	1.380	9.000		9.000	7.620	1.380	
6	Thu phí và lệ phí (nguồn do CC thuế QL)	2.000		2.000	1.265	735	2.000		2.000	1.265	735	
7	Thu khác ngân sách (nguồn do Phòng TC quản lý)	3.900	2.100	1.800	729	1.071	3.900	2.100	1.800	729	1.071	
	-Thu khác ngân sách + Thu tại các xã	1.800		1.800	729	1.071	1.800		1.800	729	1.071	
	- Phạt vi phạm do ngành thuế quản lý	100	100				100	100				
	-Thu phạt ATGT	2.000	2.000	-			2.000	2.000	-			
II	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN											
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	471.059	-	471.059	464.553	6.506	566.462,06	-	566.462,06	559.956,06	6.506	
I	Các khoản thu cân đối NSDP (không tính điều tiết NS cấp trên)	32.150	-	32.150	25.644	6.506	32.150	-	32.150	25.644	6.506	
	-Các khoản thu ngân sách ĐP hưởng 100%	32.150		32.150	25.644	6.506	32.150		32.150	25.644	6.506	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh trợ cấp NS huyện	438.909	-	438.909	438.909	-	459.673	-	459.673	459.673	-	
	+ Bổ sung cân đối	394.551		394.551	394.551		394.551		394.551	394.551		
	+ Bổ sung có mục tiêu	44.358		44.358	44.358		65.122		65.122	65.122		
III	Thu kết dư ngân sách huyện						9.659,36		9.659,36	9.659,36		
IV	Thu chuyển nguồn Kp năm 2023 sang năm 2024						62.792,62		62.792,62	62.792,62		

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024 (Giao đầu năm 2024)					Dự toán năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)					Ghi chú
		Thu NSNN	Điều tiết NS cấp trên	Tổng cộng thu NS địa phương	Tr.đó: thu điều tiết		Thu NSNN	Điều tiết NS cấp trên	Tổng cộng thu NS địa phương	Tr.đó: thu điều tiết		
					NS huyện hưởng	NS xã hưởng				NS huyện hưởng	NS xã hưởng	
A	B	1= 2 + 3	2	3= 4 + 5	4	5	6= 7 + 8	7	8= 9 +10	9	10	11
V	Các khoản huy động, đóng góp (nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang)						2.187,08		2.187,08	2.187,08		
C	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN	50.536,29	-	50.536,29	-	50.536,29	81.523,71	-	81.523,71	-	81.523,71	
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện trợ cấp NS xã	44.030,290	-	44.030,290	-	44.030,290	55.609,13	-	55.609,13	-	55.609,13	
	+ Bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	37.454,120		37.454,120		37.454,120	37.454,120		37.454,120		37.454,120	
	+ Bổ sung theo mục tiêu ngân sách cấp huyện	6.576		6.576		6.576	18.155		18.155,01		18.155,01	
2	Các khoản thu theo tỷ lệ điều tiết NS xã, thị trấn hưởng	6.506		6.506		6.506	6.506		6.506		6.506	
3	Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn						4.125,820		4.125,820		4.125,820	
4	Thu chuyển nguồn Kp năm 2023 sang năm 2024						15.282,760		15.282,760		15.282,760	
D	Tổng thu cộng thu NSNN sau ĐC	517.189,290	2.100	515.089,29	464.553	50.536,29	643.579,771	2.100	641.479,77	559.956,06	81.523,71	
1	Thu nội địa tỉnh giao đầu năm 2024, thu NS hưởng	34.250	2.100	32.150	25.644	6.506	34.250	2.100	32.150	25.644	6.506	
2	Tổng thu NSNN sau ĐC (BS cấp trên, thu kết dư, thu chuyển nguồn, ngoài chi tiêu tỉnh giao)	482.939,290		482.939,290	438.909	44.030,290	609.329,771		609.329,771	534.312,063	75.017,707	

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN LONG MỸ NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số:2576 /QĐ-UBND ngày 05 / 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Dự toán năm 2024 (Giao dự toán đầu năm 2024)			Dự toán năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)		
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	800	464.553	464.553		559.956,06	559.956,06	
A	Tổng chi cân đối ngân sách	810	464.553	464.553		559.956,06	559.956,06	
I	Chi đầu tư phát triển:	820	62.669	62.669		83.687,19	83.687,19	
1	Chi đầu tư XDCB	821	62.669	62.669		83.687,19	83.687,19	
1.1	-Chi từ đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách		11.699	11.699		11.699	11.699	
1.2	-Chi từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất		119	119		119	119	
1.3	-Chi từ nguồn Xổ số kiến thiết		36.950	36.950		36.950	36.950	
1.4	-Chi từ nguồn vốn CTMTQG bao gồm:		13.901	13.901		13.901	13.901	
	+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		10.901	10.901		10.901	10.901	
	+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM		3.000	3.000		3.000	3.000	
1.5	Chi đầu tư XDCB (bổ trí từ kết dư)					2.772,54	2.772,54	
1.6	Chi chuyển nguồn vốn XDCB từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi					17.224,91	17.224,91	
1.7	Chi chuyển nguồn vốn XDCB sang năm 2023 sang năm 2024					1.020,74	1.020,74	
2	Chi đầu tư phát triển khác	859						
II	Chi thường xuyên	860	347.805,21	347.805,21		408.424,16	408.424,16	
1	Chi quốc phòng	861	3.110	3.110		6.306,86	6.306,86	
2	Chi an ninh	862	1.188	1.188		1.482,50	1.482,50	
3	Chi đặc biệt (chi hỗ trợ)	863	2.350	2.350		1.912,10	1.912,10	
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	864	191.273,40	191.273,40		206.933,63	206.933,63	
	-Sự nghiệp giáo dục, các chế độ chính sách		187.987,00	187.987,00		200.398,48	200.398,48	
	-Sự nghiệp đào tạo, dạy nghề		3.286,40	3.286,40		6.535,15	6.535,15	
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	867	242	242		242	242	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin -TT	868	2.229,80	2.229,80		3.882,14	3.882,14	
7	Chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình	869	1.064	1.064		1.064,40	1.064,40	
8	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội và các chế độ chính sách	872	41.325	41.325		41.325	41.325	



STT	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Dự toán năm 2024 (Giao dự toán đầu năm 2024)			Dự toán năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)		
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
9	Chi sự nghiệp kinh tế	873	41.910	41.910		46.799,53	46.799,53	
10	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	874	2.000	2.000		2.160	2.160	
11	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	875	33.049,13	33.049,13		56.023,53	56.023,53	
	-Chi quản lý nhà nước		17.411,99	17.411,99		37.858,42	37.858,42	
	-Chi quản lý nhà nước (sự nghiệp do huyện giao BC)		1.090,80	1.090,80		1.090,80	1.090,80	
	-Chi kinh phí đảng		11.252,46	11.252,46		11.896,90	11.896,90	
	-Chi đoàn thể		3.293,88	3.293,88		5.177,40	5.177,40	
12	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	876						
13	Chi khác ngân sách huyện (chi khác + khen thưởng)	877	3.342	3.342		2.975,74	2.975,74	
14	Chi thường xuyên (nhiệm vụ phát sinh khác ngân sách huyện)	909	24.721	24.721		37.316,73	37.316,73	
III	Chi Các khoản huy động, đóng góp (nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang)					2.187,08	2.187,08	
IV	Chi trả nợ nước ngoài	920						
								
V	Chi viện trợ	931						
VI	Dự phòng ngân sách	932	7.543,10	7.543,10		7.543,10	7.543,10	
								
VII	Chi cải cách tiền lương	933	2.505,40	2.505,40		2.505,40	2.505,40	
	-Nguồn tiết kiệm 10% thực hiện tiền lương theo quy định, tiết kiệm thêm 10%		2.505,40	2.505,40		2.505,40	2.505,40	
VIII	Chi lập quỹ dự trữ tài chính (của NS cấp tỉnh)	934						
IX	Các khoản chi còn lại	949						
								
X	Bổ sung cho ngân sách cấp dưới	950	44.030,29	44.030,29		55.609,13	55.609,13	
1	BS cân đối cho ngân sách cấp dưới	952	37.454,12	37.454,12		37.454,12	37.454,12	
2	BS có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	951	6.576,17	6.576,17		18.155,01	18.155,01	
B	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	960						
1	Chi từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ	961						
2	Chi từ nguồn thu các loại phí, lệ phí khác và đóng góp XD hạ tầng; thu, chi tại xã	964						
3	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	965						
4	Chi đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	966						
5	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN khác	998						

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2576 /QĐ-UBND ngày 05 / 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

Đơn vị tính: triệu đồng.

ST T	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2024	Thu ngân sách xã, thị trấn được hưởng theo phân cấp năm 2024	Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn năm 2023	Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 các xã, thị trấn	Tổng dự toán chi Ngân sách xã, thị trấn năm 2024 (Điều chỉnh giữa năm 2024)		Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS xã, thị trấn năm 2024			
						Dự toán đầu năm 2024	Dự toán sau khi điều chỉnh giữa năm 2024	Tổng số	BS Cân đối (giao đầu năm 2024)	BS có mục tiêu (giao đầu năm 2024)	BS có mục tiêu (điều chỉnh giữa năm 2024)
A	B	1	2	3	4	5=8+9	6=2+3+4+5+10	7=8+9+10	8	9	10
1	Thị trấn Vĩnh Viễn	3.970	1.920	1.736,718	1.720,663	4.542,12	10.705,957	5.328,58	3.686,22	855,90	786,456
2	Xã Thuận Hưng	1.345	675	311,591	2.845,573	5.401,17	9.853,257	6.021,09	4.636,53	764,64	619,928
3	Xã Vĩnh T Đông	992	467	241,794	1.709,795	6.228,40	9.805,298	7.386,71	5.319,43	908,97	1.158,313
4	Xã Xà Phiên	1.930	1.030	273,080	3.507,024	5.381,19	12.727,122	7.917,02	4.464,51	916,68	2.535,828
5	Xã Lương Tâm	1.182	622	213,148	1.729,816	5.958,94	9.179,913	6.614,95	5.100,19	858,75	656,010
6	Xã Vĩnh Viễn A	1.206	651	792,173	1.221,660	5.155,03	8.317,534	5.652,70	4.399,74	755,29	497,676
7	Xã Lương Nghĩa	1.119	659	459,707	1.980,369	5.682,21	12.226,241	9.127,16	4.922,34	759,87	3.444,959
8	Xã Thuận Hoà	1.162	482	97,607	567,860	5.681,25	8.708,385	7.560,92	4.925,16	756,09	1.879,668
	TỔNG CỘNG	12.906	6.506	4.125,82	15.282,76	44.030,29	81.523,71	55.609,13	37.454,12	6.576,17	11.578,837

THUYẾT MINH SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2576 /QĐ-UBND ngày 05 / 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

ĐVT: đồng

ĐC giữa năm 2024

TT	Nội dung	BS Dự toán thu 2024		Ghi chú
		NS huyện	NS xã, TT	
	Tổng cộng	95.403.067.935	30.987.415.825	
I	Nguồn kết dư NS năm 2023	9.659.360.942	4.125.818.970	
II	Nguồn tính BS NSH theo mục tiêu	20.764.000.000		
1	Nguồn kinh phí vốn đầu tư công 2024			
2	Nguồn kinh phí chi thường xuyên:	20.764.000.000		
	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024	20.764.000.000		
III	Thu chuyển nguồn kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024	62.792.623.909		
1	Thu chuyển nguồn chi xây dựng cơ bản	1.020.741.430		
	Thu tạm ứng chi xây dựng cơ bản (tạm ứng chi)	1.020.741.430		
2	Thu chuyển nguồn kinh phí chi thường xuyên (số dư dự toán)	13.649.357.427		
3	Thu chuyển nguồn kinh phí tăng thu tiết kiệm chi (phương án bổ sung các nhiệm vụ chi)	48.122.525.052		
	-Bổ sung kinh phí chi đầu tư XD CB	17.224.905.600		
	-Bổ sung kinh phí chi thường xuyên bao gồm:	30.897.619.452		
	+Bổ sung nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	12.592.000.000		
	+Kinh phí thanh toán thuê cấm mốc đo đạc	107.250.000		
	+Bổ sung nguồn sự nghiệp giáo dục thực hiện chi trả thanh toán kinh phí Hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND tỉnh Hậu Giang	5.951.044.000		
	+Bổ sung nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục	4.281.435.452		
	+Bổ sung nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện chi quy hoạch và kinh phí Sự nghiệp kinh tế khác	1.000.000.000		



TT	Nội dung	BS Dự toán thu 2024		Ghi chú
		NS huyện	NS xã, TT	
	+Bổ sung nguồn kinh phí theo Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐHD Quy định chức danh, mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở ấp, khu vực và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết 12/2023/NQ-HĐHD ngày 7/10/2023 Quy định số lượng, mức phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ ở xã, phường, thị trấn và Công an viên bán chuyên trách các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	722.000.000		
	+Bổ sung nguồn kinh phí chi Chế độ chính sách (theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính Phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)	1.723.000.000		
	+Bổ sung nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang để chi trả tiếp cho các công trình đã đầu tư trên địa bàn huyện	2.348.890.000		
	+Bổ sung nguồn chi khác ngân sách huyện	2.172.000.000		
IV	Các khoản huy động, đóng góp	2.187.083.084		
	Bổ sung nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang để chi trả các công trình đầu tư trên địa bàn huyện	2.187.083.084		
V	Thu chuyển nguồn NSX thị trấn và Nguồn huyện BS NSX theo mục tiêu		26.861.596.855	
1	Thu chuyển nguồn chi thường xuyên (UBND các xã, thị trấn)		15.282.759.436	
2	Bổ sung từ các nguồn mục tiêu khác		11.578.837.419	
	Bổ sung kinh phí trợ cấp tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024			370.500.000
	+ Thuận Hòa		46.500.000	
	+ Thuận Hưng		37.500.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		51.500.000	
	+ Vĩnh Viễn A		38.500.000	
	+ Xà Phỉn		50.500.000	
	+ Lương Tâm		52.500.000	
	+ Lương Nghĩa		38.000.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông		55.500.000	

TT	Nội dung	BS Dự toán thu 2024		Ghi chú
		NS huyện	NS xã, TT	
	Bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 cho UBND xã Xà Phiên và UBND xã Lương Nghĩa			120.000.000
	+ Xà Phiên		70.000.000	
	+ Lương Nghĩa		50.000.000	
	Bổ sung kinh phí XD cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thuận Hòa từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang (UBND xã Thuận Hòa)		999.000.000	
	Bổ sung kinh phí mục tiêu để sơn, sửa hàng rào UBND xã Xà Phiên		30.000.000	
	Bổ sung kinh phí XD cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thuận Đông từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang (UBND xã Vĩnh Thuận Đông)		194.961.069	
	Bổ sung kinh phí SC khu tiếp dân UBND thị trấn Vĩnh Viễn		98.222.000	
	Bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 bao gồm:			6.657.000.000
	Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo			3.140.000.000
	+ Thuận Hòa		350.000.000	
	+ Thuận Hưng		125.000.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		240.000.000	
	+ Vĩnh Viễn A		225.000.000	
	+ Xà Phiên		800.000.000	
	+ Lương Tâm		300.000.000	
	+ Lương Nghĩa		800.000.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông		300.000.000	
	Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất cải thiện dinh dưỡng			1.300.000.000
	+ Lương Nghĩa		700.000.000	
	+ Xà Phiên		600.000.000	
	Dự án 7 Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình (Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá)			98.000.000
	+ Thuận Hòa		12.000.000	
	+ Thuận Hưng		8.000.000	

TT	Nội dung	BS Dự toán thu 2024		Ghi chú
		NS huyện	NS xã, TT	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		12.000.000	
	+ Vĩnh Viễn A		10.000.000	
	+ Xà Phiên		16.000.000	
	+ Lương Tâm		12.000.000	
	+ Lương Nghĩa		16.000.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông		12.000.000	
	Dự án 4 Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ SX đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			1.204.000.000
	+ Lương Nghĩa		1.204.000.000	
	Dự án 7 Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			915.000.000
	+ Lương Nghĩa		415.000.000	
	+ Xà Phiên		500.000.000	
	Bổ sung kinh phí sơn, sửa trụ sở UBND xã Vĩnh Thuận Đông		99.050.000	
	Bổ sung kinh phí hỗ trợ TE đang hưởng BHXH mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn phải thường xuyên điều trị bệnh theo NQ số 10/2022/NQ-HDND cho UBND xã Thuận Hòa		20.000.000	
	Bổ sung kinh phí mua BHYT cho các đối tượng BHXH theo ND số 20/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ cho UBND các xã, thị trấn			2.692.864.350
	+ Thuận Hòa		419.418.000	
	+ Thuận Hưng		420.328.350	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		355.634.100	
	+ Vĩnh Viễn A		189.075.600	
	+ Xà Phiên		417.297.600	
	+ Lương Tâm		256.409.550	
	+ Lương Nghĩa		166.999.050	
	+ Vĩnh Thuận Đông		467.702.100	
	Bổ sung kinh phí giám định y khoa cho người khuyết tật năm 2024 cho UBND xã Thuận Hòa		1.150.000	

TT	Nội dung	BS Dự toán thu 2024		Ghi chú
		NS huyện	NS xã, TT	
	Bổ sung kinh phí giám định y khoa cho người khuyết tật năm 2024 cho UBND xã Xà Phiên		3.070.000	
	Bổ sung kinh phí phụ cấp cho cộng tác viên công tác xã hội và hộ nghèo hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hành tháng theo NQ số 10/2022/NQ-HĐND cho UBND các xã, thị trấn			212.520.000
	+ Thuận Hòa		21.600.000	
	+ Thuận Hưng		21.600.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		21.600.000	
	+ Vĩnh Viễn A		27.600.000	
	+ Xà Phiên		23.460.000	
	+ Lương Tâm		27.600.000	
	+ Lương Nghĩa		47.460.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông		21.600.000	
	Bổ sung kinh phí tổ chức đại hội LHTN Việt Nam nhiệm kỳ 2024-2029 cho UBND các xã thị trấn			62.500.000
	+ Thuận Hòa		10.000.000	
	+ Thuận Hưng		7.500.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn		7.500.000	
	+ Vĩnh Viễn A		7.500.000	
	+ Xà Phiên		7.500.000	
	+ Lương Tâm		7.500.000	
	+ Lương Nghĩa		7.500.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông		7.500.000	
	Bổ sung kinh phí trợ cấp lần đầu lhi nhận công tác vùng khó khăn theo NĐ 76/2019/NĐ-CP ngày 8/10/2019 của Chính phủ cho UBND xã Xà Phiên		18.000.000	

Y. T. H. A. O.

THUYẾT MINH SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NS HUYỆN 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2576 /QĐ-UBND ngày 05 / 8 / 2024 của UBND huyện Long Mỹ)

ĐVT: đồng

ĐC giữa năm 2024

TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
I	Chi đầu tư phát triển	21.018.191.554	
1	Nguồn kết dư 2023	2.772.544.524	
	Nguồn vốn XD CB từ nguồn CĐNS, XSKT, vượt thu SD đất	2.772.544.524	
3	Vốn đầu tư tạm ứng năm 2023 chuyển nguồn sang 2024 theo dõi tiếp (vốn XD CB)	1.020.741.430	
	Chi tạm ứng chi xây dựng cơ bản (tạm ứng chi)	1.020.741.430	
4	Chi từ nguồn chuyển nguồn kinh phí tăng thu tiết kiệm chi (phương án bổ sung các nhiệm vụ chi)	17.224.905.600	
	Bổ sung kinh phí chi đầu tư XD CB	17.224.905.600	
II	Chi thường xuyên:	62.806.038.962	Tổng chung (Chi TX, chi vốn tài trợ các khoản huy động đóng góp)
1	Nguồn kết dư 2023, bao gồm	6.886.816.418	
	Kinh phí chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 NTM vốn đối ứng huyện	114.779.000	BS chi khác ngân sách
	Bổ sung chi Sự nghiệp kinh tế (tồn dự toán NS)	1.111.659.738	BS sự nghiệp kinh tế
	Chi khác ngân sách huyện	5.660.377.680	BS chi khác ngân sách
2	Nguồn tỉnh BS theo mục tiêu trong năm 2024	14.107.000.000	
	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024	14.107.000.000	Bổ sung ngân sách các xã, thị trấn: 6.657 trđ
3	Nguồn khác NSH phát sinh ngoài dự toán đầu năm (phát sinh khác và chi khác)	5.512.371.457	
*	Các khoản đã chi 6 tháng đầu năm:		
	-Chi kinh phí khối QLNN phát sinh ngoài dự toán đầu năm	2.491.255.957	BS chi nguồn QLNN
	+Văn phòng HĐND-UBND huyện	195.350.000	
	+Phòng Tài Chính-Kế hoạch	167.754.860	
	+Phòng Tài Nguyên và Môi trường	36.252.000	
	+Phòng Kinh tế và Hạ tầng	16.000.000	

TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	+ Phòng Nông nghiệp & PTNT	167.970.000	
	+ Phòng Lao động Thương Binh và XH	116.160.000	
	+ Phòng văn hóa thông tin	178.283.013	
	+ Phòng Tư pháp	14.020.000	
	+ Thanh Tra huyện	77.376.084	
	+ Phòng Giáo dục DT	32.200.000	
	+ Phòng Nội vụ	1.489.890.000	
	- Chi kinh phí đảng phát sinh ngoài dự toán đầu năm (VP huyện ủy)	244.441.000	BS chi nguồn Kp Đảng
	+ Kinh phí bổ sung ngoài kế hoạch phục vụ công tác Đảng	244.441.000	
	- Chi kinh phí khối đoàn thể các tổ chức chính trị XH	390.294.000	
	+ Hội Cao Tuổi	7.660.000	
	+ Mặt Trận Tổ quốc	273.450.000	
	+ Hội phụ nữ	14.000.000	
	+ Đoàn TNCSHCM	80.770.000	
	+ Hội Nông dân	14.414.000	
	- Chi sự nghiệp VH-TT phát sinh ngoài dự toán đầu năm (Trung tâm VH TT & Truyền thanh)	610.926.000	
	- Chi sự nghiệp GD&ĐT (Trung tâm GDNN-GDTX huyện)	196.200.000	
	- Chi an ninh phát sinh ngoài dự toán đầu năm (Công an)	144.495.800	
	- Chi Quốc phòng phát sinh ngoài dự toán đầu năm (Ban CHQS huyện)	996.858.700	
	- Chi khác ngân sách huyện phát sinh ngoài dự toán đầu năm 2024	437.900.000	BS nguồn chi khác ngân sách
	+ Tòa án	80.000.000	
	+ Kho Bạc	60.000.000	
	+ Chi Cục Thi hành án	80.000.000	
	+ Chi cục thuế khu vực II	50.000.000	
	+ Viện Kiểm sát	90.000.000	



TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	+ Trung tâm Y tế	41.700.000	
	+ Chi cục thống kê	36.200.000	
4	Vốn chi thường xuyên năm 2023 chuyển nguồn sang 2024, vốn tăng thu tiết kiệm chi chuyển sang năm 2024 theo dõi tiếp	44.546.976.879	
4.1	Chi chuyển nguồn kinh phí chi thường xuyên (số dư dự toán)	13.649.357.427	
4.2	Dự kiến chi từ nguồn chuyển kinh phí tăng thu tiết kiệm chi (phương án bổ sung các nhiệm vụ chi)	30.897.619.452	
	Bổ sung nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	12.592.000.000	Phân bổ theo thực tế
	Kinh phí thanh toán thuê cấm mốc đo đạt	107.250.000	BS SNKT (Phân bổ theo thực tế)
	Bổ sung nguồn sự nghiệp giáo dục thực hiện chi trả thanh toán kinh phí Hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND tỉnh Hậu Giang	5.951.044.000	Bổ sung chi sự nghiệp giáo dục
	Bổ sung nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục	4.281.435.452	Bổ sung chi sự nghiệp giáo dục
	Bổ sung nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện chi quy hoạch và kinh phí Sự nghiệp kinh tế khác	1.000.000.000	BS SNKT (Phân bổ theo thực tế)
	Bổ sung nguồn kinh phí theo Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐHD Quy định chức danh, mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở ấp, khu vực và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết 12/2023/NQ-HĐHD ngày 7/10/2023 Quy định số lượng, mức phụ cấp cho lực lượng dân quân tự vệ ở xã, phường, thị trấn và Công an viên bán chuyên trách các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	722.000.000	BS chi khác NS
	Bổ sung nguồn kinh phí chi Chế độ chính sách (theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính Phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)	1.723.000.000	BS chi khác NS
	Bổ sung nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang để chi trả tiếp cho các công trình đã đầu tư trên địa bàn huyện	2.348.890.000	BS chi khác NS
	Bổ sung nguồn chi khác ngân sách huyện	2.172.000.000	BS chi khác NS (phân bổ theo thực tế phát sinh)
5	Chi các khoản huy động, đóng góp	993.122.015	
	Bổ sung chi nguồn vốn Tài trợ của Công ty TNHH MTV XSKT Hậu Giang để chi trả các công trình đầu tư trên địa bàn huyện	993.122.015	Bổ sung ngân sách các xã: 1.193,961 tr
6	Bổ sung kinh phí các nhiệm vụ thực hiện kinh phí địa phương và chi khác ngân sách huyện, dự kiến bổ sung 6 tháng cuối năm các đơn vị bao gồm:	4.628.200.000	

TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Văn phòng Huyện Ủy)	400.000.000	BS chi QLHC (khối đảng)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Văn phòng HĐND-UBND)	400.000.000	BS chi QLHC
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Hỗ trợ kinh phí Ban CHQS huyện)	2.200.000.000	BS chi quốc phòng
	+Bổ sung kinh phí chi sự nghiệp văn hóa thể thao và truyền thanh huyện	300.000.000	BS chi VH TT&TT
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)	74.000.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Hội Cựu Chiến Binh)	34.000.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Hội Nông Dân)	36.000.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Ủy ban MTTQ huyện)	101.200.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Hội Liên Hiệp Phụ nữ huyện)	42.000.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 kinh phí đặc thù dự phòng khối (Liên đoàn Lao động huyện)	36.000.000	BS chi QLHC (khối đoàn thể)
	+Dự kiến kinh phí hỗ trợ các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ địa phương 6 tháng cuối năm 2024	200.000.000	BS chi khác NS
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Phòng Tư Pháp)	25.000.000	BS chi QLHC
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Phòng Nội Vụ)	150.000.000	BS chi QLHC
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (Công An huyện)	150.000.000	BS chi an ninh
	+Bổ sung kinh phí cuối năm 2024 (UBND xã Lương Tâm)	30.000.000	BS chi khác NS
	+Bổ sung kinh phí sự nghiệp môi trường (Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện)	160.000.000	BS chi sự nghiệp môi trường

TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	+Bổ sung kinh phí thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản-kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số năm 2024	290.000.000	Phân bổ thực tế (Bs chi phát sinh khác)
7	Giảm dự toán chi thường xuyên khác	(13.868.447.807)	
	+Giảm dự toán chi thường xuyên (nguồn kinh phí đào tạo huyện)	(196.200.000)	
	+Giảm dự toán chi thường xuyên chi các đơn vị đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ địa phương	(437.900.000)	
	+Giảm dự toán chi thường xuyên (mua sắm TS, SC TS khen thưởng)	(366.256.944)	
	+Giảm dự toán chi thường xuyên (nhiệm vụ phát sinh khác ngân sách)	(9.140.214.513)	
	+Giảm dự toán chi BS ngân sách xã, TT (chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024)	(120.000.000)	ĐC theo phân cấp ngân sách
	+Giảm dự toán chi thường xuyên (nhiệm vụ phát sinh khác ngân sách), trợ cấp tết các xã TT, BS nhiệm khác cho NS các xã TT...	(3.607.876.350)	ĐC theo phân cấp ngân sách
III	Nguồn huyện BS NSX theo mục tiêu	11.578.837.419	
	Bổ sung kinh phí trợ cấp tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024		370.500.000
	+ Thuận Hòa	46.500.000	
	+ Thuận Hưng	37.500.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn	51.500.000	
	+ Vĩnh Viễn A	38.500.000	
	+ Xà Phiên	50.500.000	
	+ Lương Tâm	52.500.000	
	+ Lương Nghĩa	38.000.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông	55.500.000	
	Bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 cho UBND xã Xà Phiên và UBND xã Lương Nghĩa		120.000.000
	+ Xà Phiên	70.000.000	
	+ Lương Nghĩa	50.000.000	
	Bổ sung kinh phí XD cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thuận Hòa từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang (UBND xã Thuận Hòa)	999.000.000	



TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	Bổ sung kinh phí mục tiêu đề sơn, sửa hàng rào UBND xã Xà Phiên	30.000.000	
	Bổ sung kinh phí XD cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thuận Đông từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Hậu Giang (UBND xã Vĩnh Thuận Đông)	194.961.069	
	Bổ sung kinh phí SC khu tiếp dân UBND thị trấn Vĩnh Viễn	98.222.000	
	Bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 bao gồm:		6.657.000.000
	Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo		3.140.000.000
	+ Thuận Hòa	350.000.000	
	+ Thuận Hưng	125.000.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn	240.000.000	
	+ Vĩnh Viễn A	225.000.000	
	+ Xà Phiên	800.000.000	
	+ Lương Tâm	300.000.000	
	+ Lương Nghĩa	800.000.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông	300.000.000	
	Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất cải thiện dinh dưỡng		1.300.000.000
	+ Lương Nghĩa	700.000.000	
	+ Xà Phiên	600.000.000	
	Dự án 7 Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình (Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá)		98.000.000
	+ Thuận Hòa	12.000.000	
	+ Thuận Hưng	8.000.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn	12.000.000	
	+ Vĩnh Viễn A	10.000.000	
	+ Xà Phiên	16.000.000	
	+ Lương Tâm	12.000.000	
	+ Lương Nghĩa	16.000.000	

TT	Nội dung	Điều chỉnh Dự Toán chi NS năm 2024	Ghi chú
	+ Vĩnh Viễn A	27.600.000	
	+ Xà Phiên	23.460.000	
	+ Lương Tâm	27.600.000	
	+ Lương Nghĩa	47.460.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông	21.600.000	
	Bổ sung kinh phí tổ chức đại hội LHTN Việt Nam nhiệm kỳ 2024-2029 cho UBND các xã thị trấn		62.500.000
	+ Thuận Hòa	10.000.000	
	+ Thuận Hưng	7.500.000	
	+ Thị trấn Vĩnh Viễn	7.500.000	
	+ Vĩnh Viễn A	7.500.000	
	+ Xà Phiên	7.500.000	
	+ Lương Tâm	7.500.000	
	+ Lương Nghĩa	7.500.000	
	+ Vĩnh Thuận Đông	7.500.000	
	Bổ sung kinh phí trợ cấp lần đầu lhi nhận công tác vùng khó khăn theo NĐ 76/2019/NĐ-CP ngày 8/10/2019 của Chính phủ cho UBND xã Xà Phiên	18.000.000	
	Tổng số dự toán chi phát sinh tăng so đầu năm	95.403.067.935	
	Tổng số dự toán thu NSH tăng so với đầu năm	95.403.067.935	
	Cân đối dự toán NSH:	-	

